TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 190/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 23/4/2021
V/v: *Tranh chấp ly hôn*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*:** Bà Trần Thị Vũ Vân

***Các Hội thẩm nhân dân*:**

1. Ông Trần Công Quan

2. Ông Trần Nghiệp Hồng

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngân – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:** Bà Trương Võ Thùy Dung – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 458/2020/TLST- HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2020 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2021/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà T T H M; sinh năm: 1984; địa chỉ thường trú: 127/16/12B A, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ liên hệ: 179/24/19 B, Phường B, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt);

Bị đơn: Ông V A K; sinh năm: 1982; địa chỉ thường trú: 127/16/12B A, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện nộp ngày 21/9/2020, Bản tự khai ngày 22/10/2020, các Biên bản phiên họp kiểm tra công khai chứng cứ và Biên bản không tiến hành hòa giải được ngày 24/12/2020 và ngày 21/01/20121, nguyên đơn bà T T H M trình bày:*

Bà và ông V A K là vợ chồng hợp pháp chung sống từ năm 2008, có đăng ký kết hôn theo Giấy đăng ký kết hôn số 92/2008, Quyển số 1/2008 do Ủy ban nhân dân Phường 14, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 09/7/2008.

Quá trình chung sống, ông K và bà M có được 02 con chung tên trẻ V B N(nữ), sinh ngày 08/10/2009 và trẻ V B N1, nữ, sinh ngày 10/02/2006.

Khoảng thời gian đầu chung sống, vợ chồng rất hòa hợp, thương yêu và san sẻ cuộc sống với nhau. Nhưng sau đó, vợ chồng bà phát sinh nhiều mâu thuẫn phát sinh từ năm 2009 đến năm 2020, ông K không chăm lo cho cuộc sống gia đình cũng như cùng bà giáo dục con cái. Bà xác định tình cảm vợ chồng thực sự không còn, cả hai không liên hệ nhau về kinh tế và tình cảm nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông K để cả hai sớm ổn định cuộc sống mới.

Về con chung: có 02 con chung là trẻ V B N(nữ), sinh ngày 08/10/2009 và trẻ V B N1, nữ, sinh ngày 10/02/2006. Do 02 con từ nhỏ đến lớn đều do bà M chăm sóc, do đó bà M yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng 02 trẻ và không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Ngày 09/3/2021 bà T T H M có đơn xin xét xử vắng mặt bà và yêu cầu Tòa án bảo lưu các ý kiến của bà theo như các biên bản bà đã trình bày tại các buổi làm việc ở Tòa án.

* *Về phía bị đơn ông V A K*: Theo kết quả xác minh của Công an Phường 14, Quận 11, TP.Hồ Chí Minh ngày 28/10/2020: "Đương sự V A K, SN 1982 hiện tại đang cư trú 127/16/12B A, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh".

Tại thời điểm Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án, ông V A K vẫn đang cư trú tại Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh, nhưng trong suốt quá trình giải quyết vụ án ông K vẫn không có mặt, dù Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng theo đúng quy định pháp luật cho ông. Tòa án đã tiến hành niêm yết Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa, thông báo cụ thể thời gian và địa điểm mở phiên tòa cho ông K nhưng ông K vẫn vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 có ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử như sau: "Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tiến hành xét xử đúng quy định pháp luật, tuy nhiên chưa đảm bảo đúng thời gian về việc tống đạt thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát, bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 196 Bộ luật Tố tụng dân sự và đưa vụ án ra xét xử theo đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn".

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào biên bản lời khai đã thể hiện, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*:

* Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Bà T T H M và ông V A K chung sống trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn, đây là hôn nhân hợp pháp. Bà M xin ly hôn với ông K, bị đơn có nơi cư trú cuối cùng tại Quận 11 nên Tòa án nhân dân Quận 11 thụ lý và giải quyết là đúng theo quy định pháp luật tại Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân năm 2015.

* Về người tham gia tố tụng: Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn là ông V A K nhưng bị đơn ông K vẫn vắng mặt tại phiên tòa không lý do, ngày 09/3/2021 nguyên đơn có Đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về yêu cầu của các đương sự:*

* Về quan hệ hôn nhân:

Hội đồng xét xử nhận thấy vợ chồng bà T T H M và ông V A K xảy ra mâu thuẫn 2009 đến nay, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông K yêu cầu có mặt để hòa giải nhưng ông K vẫn vắng mặt xem như không có ý kiến phản đối yêu cầu ly hôn của bà M và cũng không có thiện chí hàn gắn để vợ chồng đoàn tụ.

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình quy định: "Nếu có căn cứ hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được thì Tòa án giải quyết cho ly hôn". Căn cứ vào những chứng cứ nói trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T T H M được ly hôn với ông V A K.

* Về quan hệ con chung: bà M và ông K có 02 con chung là trẻ V B N(nữ), sinh ngày 08/10/2009 và trẻ V B N1, nữ, sinh ngày 10/02/2006. Bà M yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con.

Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý và nêu rõ nội dung bà M yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con. Ông K đã biết được yêu cầu của bà M nhưng vẫn không có ý kiến xem như không phản đối yêu cầu trên. Để đảm bảo mọi mặt tốt nhất cho trẻ V B Nvà trẻ V B N1, xét thấy cần giao 02 trẻ V B N(nữ), sinh ngày 08/10/2009 và trẻ V B N1, nữ, sinh ngày 10/02/2006 cho bà M trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà T T H M không yêu cầu ông V A K cấp dưỡng nuôi con.

Ông K được quyền thăm nom con, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

* Về quan hệ tài sản chung: Không có.

* Về quan hệ nợ chung: Không có.

[3] *Về án phí:*

-Án phí dân sự sơ thẩm bà T T H M phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 203, Điều 220, Điều 227, Điều 267, Điều 271, 273, 278 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu của bà T T H M.

Bà T T H M được ly hôn với ông V A K

Giấy đăng ký kết hôn số 92/2008, Quyển số 1/2008 do Ủy ban nhân dân Phường 14, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 09/7/2008 không còn giá trị pháp lý.

2. Về quan hệ con chung: Giao 02 con chung là trẻ V B N(nữ), sinh ngày 08/10/2009 và trẻ V B N1, nữ, sinh ngày 10/02/2006 cho bà T T H M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà T T H M không yêu cầu ông V A K cấp dưỡng nuôi con.

Ông V A K được quyền thăm nom con, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về quan hệ tài sản chung: Không có.

4. Về quan hệ nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Bà T T H M phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí bà T T H M đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số AA/2019/0015870 ngày 30/9/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà T T H M đã nộp đủ án phí.

Các quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự được thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Bà T T H M và ông V A K có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận 11;
- Chi cục THADS Quận 11;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Vũ Vân

-